

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **2812**/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/7/2022

V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Loan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Chu Mạnh Tường

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Ngọc Hương là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Lê Quang Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án **dân sự** thụ lý số 1587/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021 về việc “**Tranh chấp Ly hôn**” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3502/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4288/2022/QĐST- HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thúy X, sinh năm 1989

Hộ khẩu thường trú: Số 286 Đường 10, Tổ 5, Khu phố 5, phường Phước Bình, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 110 Đại lộ 2, Tổ 3, Khu phố 3, phường X, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Ông Trần Quốc H D, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số 7/18/12/1 Đường số 898, Khu phố 4, phường X, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt, Bị đơn vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 **tháng 11 năm 2021** và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ kiện của nguyên đơn Bà Trần Thị Thúy X trình bày:

**Bà Trần Thị Thúy X và Ông Trần Quốc H D** tự nguyện tìm hiểu, năm 2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thanh Mỹ Lợi, Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt và kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, khiến cho cuộc sống trở nên nặng nề. Mâu thuẫn kéo dài, năm 2018 vợ chồng cãi vã và đã ly thân. Nay vợ chồng không có khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình, không còn tình cảm, không còn gắn bó trách nhiệm với nhau. Nên **bà Hương** yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với Ông Trần Quốc H D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Hai ông bà có 02 con chung tên **Trần Đăng K(nam)**, sinh ngày 13/01/2011; **Trần Ngọc Thiên Nh (nữ)**, sinh ngày 19/6/2015. Ly hôn Bà Trần Thị Thúy X yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên **Trần Ngọc Thiên Nh (nữ)**, sinh ngày 19/6/2015. Giao con chung tên **Trần Đăng K(nam)**, sinh ngày 13/01/2011 cho Ông Trần Quốc H D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Tại phiên tòa;*

[1] **Nguyên đơn Bà Trần Thị Thúy X:** Nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như nêu trên. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

[2] Đối với bị đơn **Ông Trần Quốc H D:** Quá trình chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử cho đến hôm nay, tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng bị đơn không đến và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

[3] *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử sơ thẩm nghị án và ý kiến của Viện Kiểm sát về yêu cầu giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Đối với nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và không bổ sung gì thêm. Đối với bị đơn đã được tòa tổng đạt hợp lệ nhưng không đến và trong phiên tòa hôm nay bị đơn cũng không có mặt. Do đó đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm Sát đề nghị Hội đồng xét xử **chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.**

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa Bà Trần Thị Thúy X và Ông Trần Quốc H D phát sinh từ quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình và bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn Bà Trần Thị Thúy X có đơn yêu cầu vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn Ông Trần Quốc H D vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Trần Thị Thúy X

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thúy X yêu cầu ly hôn với Ông Trần Quốc H D.

Vấn đề này Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa Bà Trần Thị Thúy X và Ông Trần Quốc H D là hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyển 01/2009 do Ủy ban nhân dân phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/11/2009. Theo bà Hương thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà và ông Đăng bắt đầu từ năm 2018 sau khi sinh con thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt và kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, khiến cho cuộc sống trở nên nặng nề. Mâu thuẫn kéo dài, năm 2019 vợ chồng bà đã ly thân đến nay. Nay vợ chồng không có khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình, không còn tình cảm, không còn gắn bó trách nhiệm với nhau. Bà Hương yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với Ông Trần Quốc H D để ổn định cuộc sống.

Đối với ý kiến của bị đơn Ông Trần Quốc H D: Bị đơn được tòa triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến gì. Nên Hội đồng xét xử không xem xét gì thêm.

Căn cứ vào hồ sơ đơn kiện, Công văn số 1016/TATPTĐ ngày 14/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức. Các tài liệu chứng cứ và Lời trình bày của nguyên đơn tại Bản tự khai. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Hương, ông Đăng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, trên thực tế đời sống hôn nhân không còn tồn tại, vợ chồng không còn gắn bó trách nhiệm đối với nhau. Do đó yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Bà Trần Thị Thúy X là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Căn cứ lời khai của Bà Trần Thị Thúy X phù hợp với các giấy khai sinh số 16/2011, quyền số 01/2010 ngày 24/01/2011; giấy khai sinh số 145/2015, quyền số 01/2015 ngày 07/7/2015 của Ủy ban nhân dân phường Phước Bình, quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì có đủ căn cứ xác định bà Hương và ông Đăng có 02 con chung tên Trần Đăng K(nam), sinh ngày 13/01/2011; Trần Ngọc Thiên Nh (nữ), sinh ngày 19/6/2015. Ly hôn Bà Trần Thị Thúy X yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ tên Trần Ngọc Thiên Nh (nữ), sinh ngày 19/6/2015. Giao trẻ tên Trần Đăng K(nam), sinh ngày 13/01/2011 cho Ông Trần Quốc H D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét, thực tế từ khi vợ chồng ly thân đến nay nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 trẻ, nhưng do về điều kiện kinh tế, thời gian đưa đón trẻ đi học và việc chăm sóc 02 trẻ còn gặp khó khăn. Để cho trẻ có điều kiện phát triển tốt hơn nên nguyên đơn có nguyện vọng giao con Trần Đăng K cho bị đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, sự tự nguyện này là phù hợp, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[2.3] Về yêu cầu cấp dưỡng: Nguyên đơn Bà Trần Thị Thúy X không yêu cầu bị đơn Ông Trần Quốc H D cấp dưỡng nuôi trẻ Trần Ngọc Thiên Nh và nguyên đơn cũng không cấp dưỡng trẻ Trần Đăng Khôi. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, sự tự nguyện này không vi phạm pháp luật và đạo đức nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên HĐXX không xét.

[2.5] Về nợ chung: Không có, nên HĐXX không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21; Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Khoản 1 Điều 273; Điều 482 và Điều 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;  
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

1.1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thúy X được ly hôn Ông Trần Quốc H D.

1.2/ Về con chung: Có 02 con chung tên **Trần Ngọc Thiên Nh (nữ)**, sinh ngày 19/6/2015; **Trần Đăng K(nam)**, sinh ngày 13/01/2011.

Giao con chung tên **Trần Ngọc Thiên Nh (nữ)**, sinh ngày 19/6/2015 cho Bà **Trần Thị Thúy X** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao con chung tên **Trần Đăng K(nam)**, sinh ngày 13/01/2011 cho Ông **Trần Quốc H D** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3/ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4/ Về nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (**Ba trăm nghìn**) đồng, nguyên đơn **Bà Trần Thị Thúy X** phải chịu, nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (**Ba trăm nghìn**) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0024697 ngày 19/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014)”.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- TAND TP.HCM;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Cơ quan đã thực **hiện việc ĐKKH**;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Trần Thị Loan**

